TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 85/2023/DS-ST Ngày: 25-7-2023 V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Lợi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hồ Sỹ Tiến

2. Ông Vũ Văn Chương

- Thư ký phiên tòa: Ông Khuất Cao Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 163/2023/TLST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2023/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 06 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ: 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật; bà Lê Thị Phương T, chức vụ: Chuyên viên Quản lý tín dụng và kiểm soát rủi ro là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 20/02/2023) (vắng mặt – có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Phước Đ, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: 79/35 L, Phường 4, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/02/2023 và các lần làm việc tại Tòa, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) trình bày:

Ngày 23/5/2017, ông Nguyễn Phước Đ có ký với Ngân hàng TMCP S Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng Visa, loại thẻ VS Cre Classic, hạn mức tín dụng

là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), mục đích tiêu dùng cá nhân với mức lãi suất áp dụng là 2,5%/tháng. Khách hàng được sử dụng thẻ linh hoạt trong hạn mức tín dụng được cấp, khách hàng được rút và trả tiền quay vòng nhiều lần. Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau. Ông Đ phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông Đ đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 61.431.726đ (sáu mươi mốt triệu bốn trăm ba mươi mốt ngàn bảy trăm hai mươi sáu đồng). Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Đ đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 66.961.350đ (sáu mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi mốt ngàn ba trăm năm mươi đồng).

Do ông Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 30/06/2019 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 14.264.100đ (mười bốn triệu hai trăm sáu mươi tư ngàn một trăm đồng) làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại. Tính đến ngày 25/07/2023, ông Đ còn nợ Ngân hàng số tiền 40.759.480đ (Bốn mươi triệu bảy trăm năm mươi chín ngàn bốn trăm tám mươi đồng), gồm:

+ Số tiền gốc tính đến ngày 25/07/2023: 14.264.100đ (mười bốn triệu hai trăm sáu mươi tư ngàn một trăm đồng)

+ Việc tính lãi quá hạn được tính trên cơ sở như sau:

Lãi trong hạn: 2,5%/tháng; Lãi quá hạn: 2,5%/tháng x 150% = 3.75%/tháng

Số tiền lãi quá hạn 1 ngày: 14.264.100 đồng * (3.75%/30) = 17.830 đồng

Số ngày lãi quá hạn từ ngày 31/07/2019 đến ngày 25/07/2023: 1576 ngày

Số tiền lãi quá hạn: 26.495.380đ (hai mươi sáu triệu bốn trăm chín mươi lăm ngàn ba trăm tám mươi đồng)

Nay Ngân hàng khởi kiện, yêu cầu ông Nguyễn Phước Đ phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 25/07/2023 là 40.759.480đ (Bốn mươi triệu bảy trăm năm mươi chín ngàn bốn trăm tám mươi đồng) và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 26/07/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn – ông Nguyễn Phước Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu cho rằng:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Căn cứ chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, đối chiếu quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với ông Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngân hàng Thương mại TMCP Sài Gòn Thương Tín khởi kiện ông Nguyễn Phước Đ về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Căn cứ văn bản xác minh của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu tại Công an Phường 4 và Phường Thắng Nhì, thành phố Vũng Tàu thì ông Đ có đăng ký hộ khẩu tại địa chỉ 79/35 L, Phường 4, thành phố Vũng Tàu, nhưng hiện nay không có mặt tại địa phương, không xác định được nơi ở hiện nay. Tại đơn khởi kiện, Ngân hàng đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của ông Đ theo địa chỉ đăng ký thường trú được ghi trong Hợp đồng tín dụng nên được coi là "đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc của người bị kiện". Trong vụ án này, ông Đ thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng mà không thông báo cho ngân hàng biết về nơi cư trú, làm việc mới theo quy định nên được coi là cố tình giấu địa chỉ nên căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 05 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung là có căn cứ, đúng pháp luật, xác định địa chỉ của ông Đ là 79/35 Lê Lợi, Phường 4, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa thì thấy: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án đã tống đạt, niêm yết giấy báo hợp lệ yêu cầu đến Tòa để giải quyết vụ án, hòa giải, xét xử, tuy nhiên vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, bị đơn không có yêu cầu phản tố; do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Nguyễn Phước Đ phải thanh toán số tiền 40.759.480đ (Bốn mươi triệu bảy trăm năm mươi chín ngàn bốn trăm tám mươi đồng) Hội đồng xét xử nhận thấy:

Trên cơ sở đơn yêu cầu phát hành thẻ tín dụng do ông Đ ký ngày 23/5/2017 thì ngày 26/5/2017, Ngân hàng đã phát hành thẻ tín dụng số 356480-3832, loại thẻ VS Cre Classic với tổng hạn mức tín dụng là 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) cho ông Đ; lãi suất cho vay được áp dụng là 2,5%/tháng. Hội đồng xét xử nhận thấy, việc ký kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung của hợp đồng tín dụng đã ký phù hợp với các quy định tại các Điều 117 và Điều 119 của Bộ luật Dân sự và phù hợp với các quy định của

Luật Các tổ chức tín dụng. Do đó, hợp đồng tín dụng nêu trên có hiệu lực pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết.

Theo bảng tóm tắt sao kê do Ngân hàng cung cấp thì tổng số tiền ông Đ đã sử dụng là 61.431.726đ (sáu mươi mốt triệu bốn trăm ba mươi mốt ngàn bảy trăm hai mươi sáu đồng). Tính đến ngày 28/02/2019, ông Đ đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 66.961.350đ (sáu mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi mốt ngàn ba trăm năm mươi đồng). Từ ngày 01/3/2019, ông Đ không trả thêm được khoản tiền nào cho Ngân hàng. Tính đến ngày 30/6/2019, số tiền ông Đ có nợ là 14.264.100đ (mười bốn triệu hai trăm sáu mươi tư ngàn một trăm đồng) và căn cứ quy định tại Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng thì toàn bộ dư nợ này được chuyển thành nợ gốc và chuyển sang nợ quá hạn. Do đó, số tiền gốc ông Đ còn nợ Ngân hàng là 14.264.100đ (mười bốn triệu hai trăm sáu mươi tư ngàn một trăm đồng). Từ thời điểm chuyển nợ quá hạn đến thời điểm xét xử là 1486 ngày nên số tiền lãi quá hạn ông Đ còn nợ Ngân hàng được tính như sau: 14.264.100đ*2,5%/tháng*150%*1486 ngày = 26.495.380đ (hai mươi sáu triệu bốn trăm chín mươi lăm ngàn ba trăm tám mươi đồng). Vì vậy, tổng số tiền ông Đ còn nợ Ngân hàng là 40.759.480đ (Bốn mươi triệu bảy trăm năm mươi chín ngàn bốn trăm tám mươi đồng), trong đó gồm 14.264.100đ (mười bốn triệu hai trăm sáu mươi tư ngàn một trăm đồng) nợ gốc và 26.495.380đ (hai mươi sáu triệu bốn trăm chín mươi lăm ngàn ba trăm tám mươi đồng) tiền lãi quá hạn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và triệu tập bị đơn đến làm việc liên quan đến việc ký kết hợp đồng và thanh toán nợ tuy nhiên bị đơn vẫn vắng mặt nên Tòa án căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong vụ án để giải quyết. Như vậy, có căn cứ xác định ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán của mình. Nay Ngân hàng yêu cầu ông Đ phải có trách nhiệm thanh toán số tiền 40.759.480đ (Bốn mươi triệu bảy trăm năm mươi chín ngàn bốn trăm tám mươi đồng) là có cơ sở để chấp nhận. Vì vậy, căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với ông Nguyễn Phước Đ; buộc ông Đ phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền 40.759.480đ (Bốn mươi triệu bảy trăm năm mươi chín ngàn bốn trăm tám mươi đồng), trong đó gồm 14.264.100đ (mười bốn triệu hai trăm sáu mươi tư ngàn một trăm đồng) nợ gốc và 26.495.380đ (hai mươi sáu triệu bốn trăm chín mươi lăm ngàn ba trăm tám mươi đồng) tiền lãi quá hạn.

[2.2] Đối với yêu cầu buộc ông Đ phải trả khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 26/7/2023 đến khi thanh toán hết nợ:

Yêu cầu này của Ngân hàng là phù hợp với quy định của pháp luật và hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết. Căn cứ vào Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17-10-2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, ông Đ phải có trách nhiệm thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 26/7/2023 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí là 2.037.974đ (hai triệu không trăm ba mươi bảy ngàn chín trăm bảy mươi bốn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự; Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với ông Nguyễn Phước Đ.

Buộc ông Nguyễn Phước Đ phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền 40.759.480đ (Bốn mươi triệu bảy trăm năm mươi chín ngàn bốn trăm tám mươi đồng), trong đó gồm 14.264.100đ (mười bốn triệu hai trăm sáu mươi tư ngàn một trăm đồng) nợ gốc và 26.495.380đ (hai mươi sáu triệu bốn trăm chín mươi lăm ngàn ba trăm tám mươi đồng) tiền lãi quá hạn.

Kể từ ngày 26/7/2023, ông Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Phước Đ phải nộp 2.037.974đ (hai triệu không trăm ba mươi bảy ngàn chín trăm bảy mươi bốn đồng).

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền 900.000đ (chín trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000230 ngày 12 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

[3] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (người vắng mặt cũng 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- VKSND TP Vũng Tàu;
- Chi cục THADS TP Vũng Tàu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phan Thị Hồng Lợi